

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 40 /2022/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông và Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 79/BC-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

1. Nguyên tắc áp dụng

Mức chi quy định được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

2. Mức tiền công cụ thể áp dụng cho các kỳ thi

a) Đối với các kỳ thi cấp thành phố (Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; Thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực): Mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ theo Phụ lục chi tiết đính kèm.

b) Đối với các kỳ thi, cuộc thi cấp thành phố khác (Thi chọn học sinh giỏi cấp thành phố các môn văn hóa; Thi nghề phổ thông; kỳ thi khoa học kỹ thuật cấp thành phố và các kỳ thi, cuộc thi cho giáo viên và học sinh cấp thành phố khác): Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi được tính bằng 70% định mức tiền công cụ thể quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

c) Đối với các kỳ thi, cuộc thi cấp quận, huyện: Tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi được tính bằng 60% định mức tiền công cụ thể quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp và được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo hằng năm của Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.


Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố biểu quyết thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022./. 

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước; VP Chính phủ;
- Vụ Pháp chế: Bộ GD-ĐT; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH, UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Quận, huyện ủy; UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND huyện Hòa Vang;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã; HĐND các xã;
- Báo Đà Nẵng, Chuyên đề CA TPĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Lương Nguyễn Minh Triết

thaohh2-25/07/2022 16:35:19-thaohh2-thaohh2-thaohh2



PHỤ LỤC
MỨC TIỀN CÔNG CỤ THỂ CHO TỪNG CHỨC DANH
LÀ THÀNH VIÊN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TẠI CÁC KỲ THI
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Nghị Quyết số 40 /2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi (Đồng)	Ghi chú
1	Ban chỉ đạo thi			
	Trưởng ban	Người/ngày	500.000	Khoản 4, Điều 8, Thông tư 69
	Phó trưởng ban thường trực	Người/ngày	450.000	
	Các phó trưởng ban	Người/ngày	375.000	
	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300.000	
	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	150.000	
2	Hội đồng thi			
	Chủ tịch	Người/ngày	450.000	Khoản 4, Điều 8, Thông tư 69
	Phó Chủ tịch	Người/ngày	375.000	
	Ủy viên	Người/ngày	300.000	
3	Ban Thư ký Hội đồng thi			
	Trưởng ban	Người/ngày	450.000	Khoản 4, Điều 8, Thông tư 69
	Phó trưởng ban	Người/ngày	375.000	
	Ủy viên	Người/ngày	300.000	
4	Hội đồng/Ban ra đề thi			
	Chủ tịch	Người/ngày	450.000	Khoản 4, Điều 8, Thông tư 69
	Phó Chủ tịch	Người/ngày	375.000	
	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong 24/24	Người/ngày	300.000	
	Ủy viên, thư ký, Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150.000	
5	Hội đồng/Ban in sao đề thi			
	Trưởng ban	Người/ngày	450.000	Khoản 4, Điều 8, Thông tư 69
	Phó trưởng ban	Người/ngày	375.000	
	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly	Người/ngày	300.000	
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	225.000	
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150.000	

6	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi			Khoản 4, Điều 8, Thông tư 69
	Thành viên	Người/ngày	300.000	
7	Hội đồng/Ban coi thi/Điểm thi			Khoản 4, Điều 8, Thông tư 69
	Trưởng ban/Trưởng điểm	Người/ngày	450.000	
	Phó trưởng ban/Phó trưởng điểm	Người/ngày	375.000	
	Ủy viên, thư ký, giám thị	Người/ngày	300.000	
	Công an, bảo vệ	Người/ngày	150.000	
	Phục vụ, y tế	Người/ngày	150.000	
8	Ban/Tổ làm phách			Khoản 4, Điều 8, Thông tư 69
	Trưởng ban	Người/ngày	450.000	
	Phó trưởng ban	Người/ngày	375.000	
	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300.000	
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc cách ly	Người/ngày	225.000	
	Nhân viên phục vụ, bảo vệ làm việc vòng ngoài	Người/ngày	150.000	
9	Hội đồng/ Ban chấm thi tự luận/Ban chấm thi trắc nghiệm			Khoản 4, Điều 8, Thông tư 69
	Trưởng ban	Người/ngày	450.000	
	Phó trưởng ban	Người/ngày	375.000	
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	300.000	
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	150.000	
10	Hội đồng/Ban phúc khảo bài thi tự luận/Ban phúc khảo bài thi trắc nghiệm			Khoản 4, Điều 8, Thông tư 69
	Trưởng ban	Người/ngày	450.000	
	Phó trưởng ban	Người/ngày	375.000	
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	300.000	
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	150.000	
11	Hội đồng/Ban chấm thẩm định bài thi			Khoản 4, Điều 8, Thông tư 69
	Trưởng ban	Người/ngày	450.000	
	Phó trưởng ban	Người/ngày	375.000	
	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	300.000	
	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	150.000	

12	Tiền công ra đề thi			
a	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			Điểm a, khoản 8, Điều 8, Thông tư 69
	Chủ trì	Người/ngày	375.000	
	Thành viên	Người/ngày	300.000	
b	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận	đồng/đề	480.000	Điểm b, khoản 8, Điều 8, Thông tư 69
c	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm			Điểm c, khoản 8, Điều 8, Thông tư 69
	Đề tự luận	Người/ngày	500.000	
	Đề trắc nghiệm	Người/ngày	300.000	
13	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
a	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi	Người/ngày		Điểm b, khoản 9, Điều 8, Thông tư 69
	Chủ trì	Người/ngày	300.000	
	Thành viên	Người/ngày	225.000	
b	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	đồng/câu	35.000	
c	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên soạn câu hỏi thô	đồng/câu	30.000	
d	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	đồng/câu	25.000	Điểm c, khoản 9, Điều 8, Thông tư 69
e	Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	đồng/câu	18.000	
g	Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	đồng/câu	10.000	
h	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm			Điểm e, khoản 9, Điều 8, Thông tư 69
	Chủ trì	Người/ngày	300.000	
	Thành viên	Người/ngày	225.000	
14	Tiền công chấm thi			
a	Tiền công chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học đối với thi tốt nghiệp trung học phổ thông; tiền công chấm phúc khảo bài thi tự luận tốt nghiệp trung học	Người/ngày	300.000	Khoản 10, Điều 8, Thông tư 69

	phổ thông, chấm thẩm định bài thi tự luận tốt nghiệp trung học phổ thông			
b	Tiền công chấm thi, chấm phúc khảo bài thi trắc nghiệm	Người/ngày	350.000	Khoản 10, Điều 8, Thông tư 69
15	Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp			
	Chủ tịch	Người/ngày	450.000	Khoản 4, Điều 9, Thông tư 69
	Phó Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	375.000	
	Ủy viên hội đồng	Người/ngày	300.000	

thaohh2-25/07/2022 16:35:19-thaohh2-thaohh2-thaohh2